

Số: 5478109

	Linker T4.5-3.5 - Thùng kín - Inox 430	FRONTIER K250 - Thùng mui bạt - Tôn kẽm
Giá niêm yết:	350.500.000đ	499.500.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	5.660 x 1.935 x 2.790	5.620 x 1.860 x 2.540 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	3.500 x 1.820 x 1.780 (11,34 m³)	3.500 x 1.670 x 1.410/1.650 mm (9,64 m³)
Chiều dài cơ sở	2.800 mm	2.810 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.487/1.358 mm	1.470 / 1.270 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	1.600 kg	2.305 kg
Khối lượng chở cho phép	1.990 kg	2.490 kg
Khối lượng toàn bộ	4.395 kg	4.990 kg
Số chỗ ngồi	3 chỗ	3
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	YUNNEI D19TCIE3	HYUNDAI – D4CB
Loại động cơ	Diesel, 04 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng	Diesel, 04 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng, tăng áp,phun nhiên liệu trực tiếp điều khiển điện tử (ECU)
Dung tích xi lanh	1.910 cc	2.497 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	116 / 3.600 Ps/rpm	130 / 3.800 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	285 / 1.600-2.600 N.m/rpm	255 / 1.500~3.500 N.m/(vòng/phút)
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Đĩa/tang trống, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không, có ABS + EBD	Thủy lực, Trước đĩa/Sau tang trống, trợ lực chân không
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Độc lập, Thanh xoắn, thanh cân bằng	Độc lập, thanh xoắn, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	185R14	6.50R16/5.50R13
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	32,77%	28%
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	5,65 m	5,96 m
Tốc độ tối đa	108 km/h	109 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	70 lít	65 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Thanh răng - bánh răng, trợ lực thủy lực	Thanh răng - bánh răng, trợ lực thủy lực